

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **170/2021/HN-ST**

Ngày: 19/4/2021

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Châu Vũ Bình**

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 688/2020/TLST-HN ngày 28/12/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HN ngày 01 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Nhã A** – sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Lê Văn B** - sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Y, Tiền Giang.

(Chị A có mặt; anh B Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Lê Thị Nhã A trình bày: chị và anh B sống chung năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện Chợ gạo. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh B không chăm lo kinh tế gia đình, không lo làm ăn. Chị khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Chị và anh B ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: có một cháu tên Lê Ngọc Mỹ C, sinh ngày 12/9/2018 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung, nợ riêng: không có.
- * Bị đơn anh Lê Văn B vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Nhã A. Về con chung: giao cháu Lê Ngọc Mỹ C, sinh ngày 12/9/2018 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Nhã A và anh Lê Văn B sống chung năm 2018 và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện Chợ Gạo. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B và anh B hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Lê Văn B mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Nhã A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về tình cảm: chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn chị A trình bày là do anh B không lo kinh tế cho gia đình, ăn chơi, không lo cho vợ con, chị khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh B ly thân từ năm 2019 đến nay. Phía bị đơn anh Lê Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh không đến trình bày ý kiến và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị A, điều này chứng tỏ anh B không còn thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình với chị A, trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau, cho thấy giữa anh B và chị A trong cuộc sống đã có mâu thuẫn xảy ra. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A anh B không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: có cháu tên Lê Ngọc Mỹ C, sinh ngày 12/9/2018 hiện đang sống với chị A. Ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Mỹ C hiện dưới 36 tháng tuổi, là bé gái cần sự quan tâm, chăm sóc của

mẹ và hiện nay cháu đang sống ổn định với chị A nên tiếp tục giao cháu C cho chị A nuôi dưỡng.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay, chị A không yêu cầu nên anh B cấp dưỡng nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Nhã A.

[1] Về tình cảm: chị Lê Thị Nhã A được ly hôn với anh Lê Văn B.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Mỹ C, sinh ngày 12/9/2018 cho chị Lê Thị Nhã A tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có.

[4] Về án phí: chị Lê Thị Nhã A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004536 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn anh Lê Văn B thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án Dân sự./.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N1;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên